TAND QUẬN CR **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ CẦN THƠ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
***

Bản án số: 73/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/11/2020
"*V/v:* Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR, THÀNH PHỐ C

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thanh Trúc.**

Các hội thẩm nhân dân.

1. Ông **Phạm Thanh Thanh**
2. Ông **Võ Thành Hưng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận CR, Tp. C.

Đại diện Viện kiểm sát quận CR tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Nhu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận CR, Thành phố C tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2020/TLST– HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc "*không công nhận quan hệ vợ chồng"*

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2020/QĐXX – ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 95/2020/QĐST – HN ngày 22/10/2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Đỗ Thị H,** sinh 1964.

HKTT: KV 4, P. Ba Láng, Q. CR, Tp. C

* *Bị đơn:* Ông **Võ Văn Mót,** sinh năm 1965.

Địa chỉ: KV 4, P. Ba Láng , Q CR, Tp. C.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại đơn xin ly hôn ngày 28/4/2020 và tại bản tự khai nguyên đơn Đỗ Thị H trình bày*:** Bà và ông Võ Văn M sống chung vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Ông, bà sống chung được khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông M nghiện ngập rượu, không chịu làm ăn và bỏ gia đình đi

đến nay không về. Vì lẽ đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông M là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông M có 01 con chung tên Võ Tuấn T, sinh năm 1999. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung : Không có.

Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án có triệu tập hợp lệ ông M nhiều lần nhưng ông vắng mặt không rỏ lý do. Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày. Ông M vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Bà H và ông M sống chung từ năm 1998 đến nay không đăng ký kết hôn. Yêu cầu áp dụng điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000 của Quốc hội ngày 09/6/2000 không công nhận bà H và ông M là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật: Bà H và ông M tự nguyện chung sống nhưng không đăng ký kết hôn nên yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc trường hợp quy định tại khoản 11 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Bà H thì bà và ông Mót tự nguyện tiến tới chung sống như vợ chồng từ năm 1998, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vì vậy theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Bà H cho rằng bà và ông M có 01 con chung tên Võ Tuấn T, sinh năm 1999. Do T đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 11 Điều 29, Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000 của Quốc hội ngày 09/6/2000.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Không công nhận bà Đỗ Thị H và ông Võ Văn M là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Tuấn T, sinh năm 1999. Do T đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra nếu các bên có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà H đã đóng theo biên lai thu 006228 ngày 17/7/2020 thành án phí.

Bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông M thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Các hội thẩm nhân dân | Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thanh ***Võ Thành Hưng*** ***Cao Thị Thanh Trúc***

Nơi nhận: TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND TP Cần Thơ “để báo cáo”.
- VKSND TPCT, Q. CR “để theo dõi”.
- Các đương sự “để biết”.
- THA DS Q. CR “để thi hành”.
- UBND P. Ba Láng
- Lưu hồ sơ Dân sự.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị T Trúc